

Thứ hai, ngày 29 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

Sắc xanh lan tỏa

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/5/2023		●	
Tuần 29/5-2/6/2023		●	
Tháng 05/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng điểm tốt trong ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,074.98 điểm, tăng hơn 11 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/19 ngành tăng điểm; dẫn đầu đà tăng là ngành Dịch vụ tài chính và Hóa chất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, chỉ số đang test ngưỡng kháng cự 1,075. Trong những phiên tới, thị trường có thể tiếp tục quán tính tăng điểm và hướng lên test ngưỡng kháng cự 1,085.

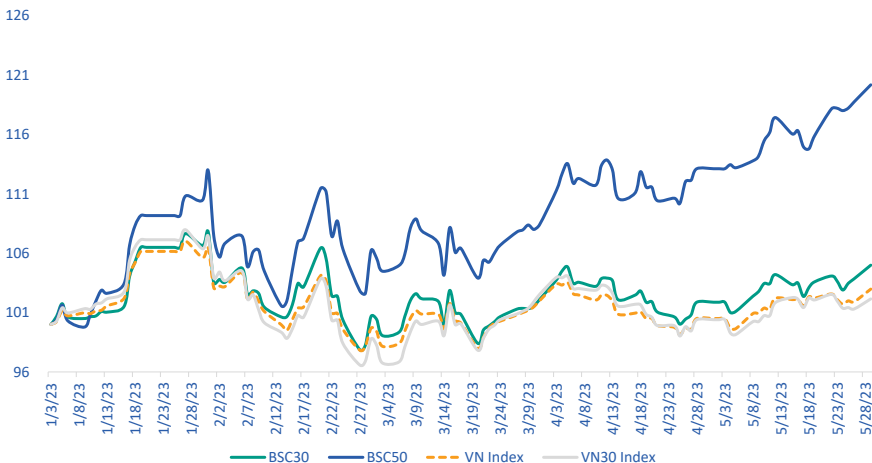
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+11.22** điểm, đóng cửa **1074.98** điểm. HNX-Index **+2.67** điểm, đóng cửa **220.31** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.3)**, **GVR (+1)**, **VIC (+0.67)**, **BID (+0.63)**, **VHM (+0.55)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HDB (-0.44)**, **MSN (-0.14)**, **DHG (-0.1)**, **PGV (-0.08)**, **PNJ (-0.05)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,644** tỷ đồng, tăng **23.54%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,788 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.42 điểm. Thị trường có **324** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **69** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **125.42** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **KBC (57.11 tỷ)**, **STB (50.69 tỷ)**, **BID (41.33 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.95** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoaabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1074.98**
Giá trị: 11644.49 tỷ **11.22 (1.05%)**
Khối ngoại (ròng): 125.42 tỷ

HNX-INDEX **220.31**
Giá trị: 1789.4 tỷ **2.67 (1.23%)**
Khối ngoại (ròng): 9.95 tỷ

UPCOM-INDEX **81.13**
Giá trị: 571.39 tỷ **0.55 (0.68%)**
Khối ngoại (ròng): -3.74 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	73.1	0.62%
Giá vàng	1,943	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,712	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,171	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	16,706	0.01%
LS liên NH 1 tháng	4.5%	0.07%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.05%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	57.11	CTG	-62.40
STB	50.69	DPM	-25.45
BID	41.33	VPB	-19.81
SSI	37.08	NVL	-15.42
VND	31.76	MSN	-10.60

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/23/2023	REE	61.45	70	58	61.5	6	0.08%	Có thể tiếp tục mua
5/12/2023	CTD	64.6	72	61	63.7	17	-1.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/27/2023	VG	11.6	13.5	10.65	12	32	3.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.45	83	1.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

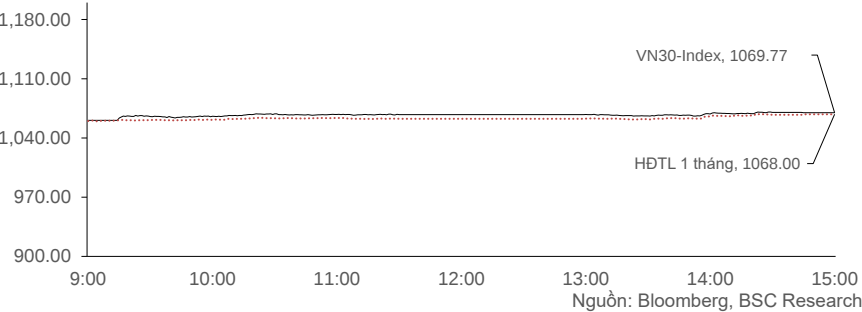
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
1/31/2023	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích:		Danh sách thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	1	1.73%	-1.39%	0.95%	35
Cổ phiếu đã chốt	253	232	6.92%	-7.45%	4.01%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1061.00	0.79%	-8.77	50.0%	51	12/21/2023	208
VN30F2307	1064.00	0.97%	-5.77	45.9%	264	7/20/2023	54
VN30F2306	1068.00	1.09%	-1.77	7.1%	129,671	6/15/2023	19
VN30F2309	1062.00	0.86%	-7.77	176.5%	47	9/21/2023	117

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 8.96 điểm lên 1069.77 điểm, biên độ dao động 8.18 điểm. Các cổ phiếu như HPG, STB, VPB, SSI, và VIC đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tăng từ khi mở cửa với số mã tăng điểm chiếm áp đảo. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTPB2301	8/7/2023	70	2.7:1	159,600	35.27%	1,000	780	11.43%	761	1.03	14,229	26,000	24,300
CSTB2224	9/5/2023	99	2:1	116,000	49.48%	1,640	4,490	11.41%	4,103	1.09	103,200	20,000	27,700
CMBB2213	6/6/2023	8	3:1	483,700	39.02%	2,800	570	9.62%	590	0.97	26,140	17,000	18,750
CHPG2225	6/6/2023	8	3:1	60,800	48.49%	2,300	1,490	6.43%	1,488	1.002	98,100	17,000	21,450
CMBB2214	9/5/2023	99	2:1	85,700	39.02%	2,700	1,560	6.12%	1,307	1.19	26,140	17,000	18,750
CSTB2225	11/1/2023	156	2:1	120,200	49.48%	2,600	4,380	5.54%	4,125	1.06	108,400	20,500	27,700
CHPG2227	11/1/2023	156	2:1	959,900	48.49%	1,100	1,960	5.38%	1,676	1.17	19,589	20,500	21,450
CFPT2212	6/6/2023	8	10:1	326,600	24.33%	1,850	1,290	4.03%	1,315	0.98	88,200	70,000	83,100
CHPG2306	11/9/2023	164	3:1	340,000	48.49%	1,970	1,120	3.70%	1,229	0.91	23,300	20,000	21,450
CTCB2216	11/1/2023	156	4:1	59,200	44.08%	1,200	1,560	3.31%	1,288	1.21	80,159	27,500	30,200
CTCB2214	6/6/2023	8	3:1	557,800	44.08%	1,800	1,000	3.09%	1,078	0.93	51,200	27,000	30,200
CSTB2303	11/9/2023	164	2:1	145,400	49.48%	1,100	3,620	2.84%	3,601	1.01	50,700	22,000	27,700
CACB2208	9/5/2023	99	4:1	471,500	35.43%	1,100	1,270	2.42%	1,080	1.18	25,900	21,500	25,150
CVPB2214	9/5/2023	99	4:1	283,300	38.46%	1,650	940	2.17%	765	1.23	42,040	17,000	19,350
CFPT2213	9/5/2023	99	10:1	206,300	24.33%	2,350	1,300	1.56%	1,040	1.25	94,700	74,500	83,100
CVRE2216	8/31/2023	94	4:1	1,361,100	43.37%	1,700	280	0.00%	338	0.83	31,020	31,000	27,700
CVHM2216	8/31/2023	94	8:1	741,700	39.72%	1,000	230	0.00%	295	0.78	16,453	62,000	55,500
CACB2301	8/7/2023	70	2:1	422,800	35.43%	1,400	220	0.00%	359	0.61	26,660	27,700	25,150
CFPT2214	11/1/2023	156	10:1	233,200	24.33%	1,870	1,430	-0.69%	1,045	1.37	81,200	76,000	83,100
CFPT2210	8/31/2023	94	10:1	481,400	24.33%	1,300	320	-3.03%	195	1.64	29,260	90,000	83,100
Tổng				7,616,200	39.26%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/5/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2227 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 21.42%. Giá trị giao dịch tăng 0.28%. CHPG2227 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.42%.
- CACB2301, CSTB2302, CVNM2211, và CVHM2216 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
HPG	21.45	1.66	1.16
STB	27.70	1.84	0.97
VPB	19.35	1.04	0.97
SSI	23.40	3.77	0.92
VIC	52.70	1.35	0.83
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
HDB	18.8	-3.59	-1.27
MSN	71.6	-0.56	-0.27
SAB	155.3	-0.13	-0.02
FPT	83.1	0.00	0.00
POW	13.6	0.00	0.00
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	93.10	1.20	1.30	590500
GVR	18.20	5.81	1.00	6.08MLN
VIC	52.70	1.35	0.67	1.38MLN
BID	43.90	1.15	0.63	668100
VHM	55.50	0.91	0.55	1.61MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HDB	18.80	-3.59	0	2.30MLN
MSN	71.60	-0.56	0	483800
DHG	109.00	-2.68	0	46800
PGV	24.90	-1.19	0	19600
PNJ	71.40	-0.83	0	276500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

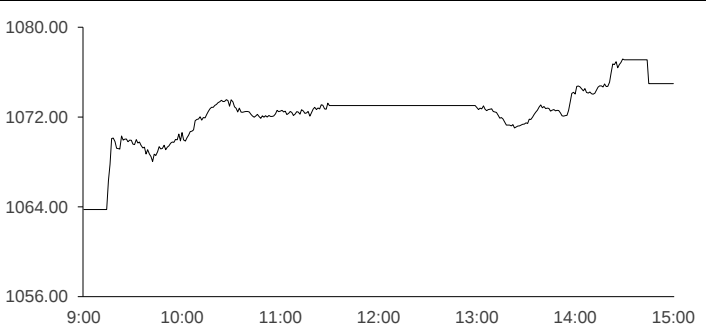
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	10.70	7.00	0.00	100.00
QCG	5.81	7.00	0.03	650700
HUB	19.15	6.98	0.01	44800
ABS	6.75	6.97	0.01	3.72MLN
EVG	6.15	6.96	0.02	5.30MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDB	18.80	-3.59	-0.44	2.30MLN
MSN	71.60	-0.56	-0.14	483800
DHG	109.00	-2.68	-0.10	46800.00
PGV	24.90	-1.19	-0.08	19600
PNJ	71.40	-0.83	-0.05	276500

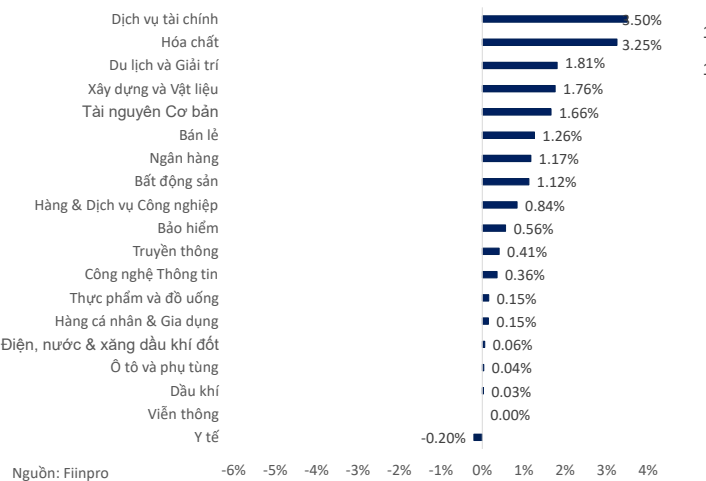
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	11.80	6.31	0.89	32.21MLN
IDC	41.90	1.45	0.23	3.49MLN
IPA	16.20	9.46	0.20	505600
THD	40.20	0.75	0.17	9100.00
HUT	18.20	1.68	0.16	2.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	13.00	-2.26	-0.25	204600
PVS	29.90	-1.32	-0.16	8.14MLN
BAB	13.50	-0.74	-0.12	8600
SHN	7.00	-4.11	-0.06	3200
KSF	39.40	-0.51	-0.05	12000

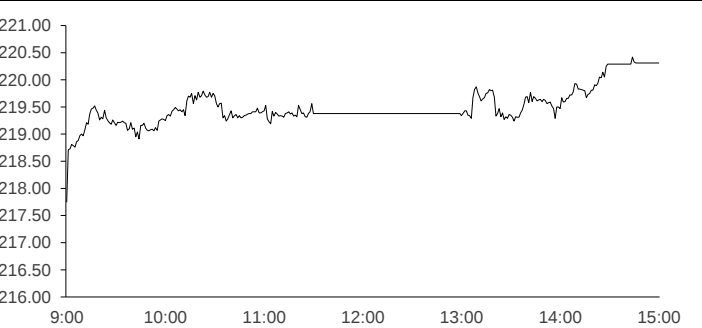
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AAV	5.50	10.0	0.03	1.24MLN
D11	14.30	10.0	0.01	35100
EVS	12.10	10.0	0.14	618500
MST	5.50	10.0	0.05	3.86MLN
SDN	49.50	10.0	0.00	600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

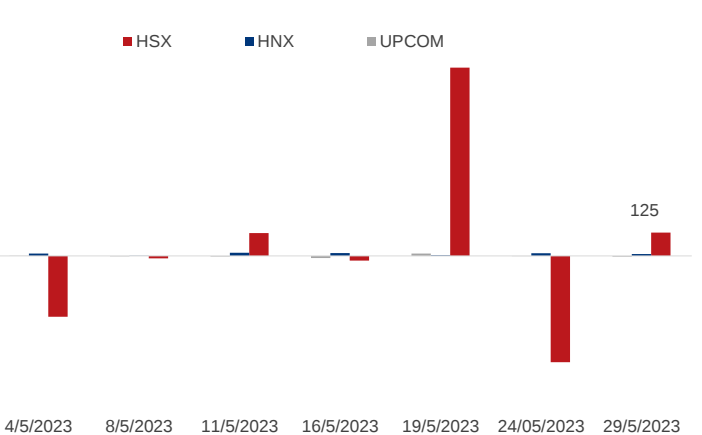
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNT	54.00	-10.00	-0.03	200
VSM	17.10	-10.00	0.00	1300
AME	9.40	-8.74	0.00	20300
VTH	6.40	-8.57	0.00	400
HTC	20.70	-8.00	-0.02	18800

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

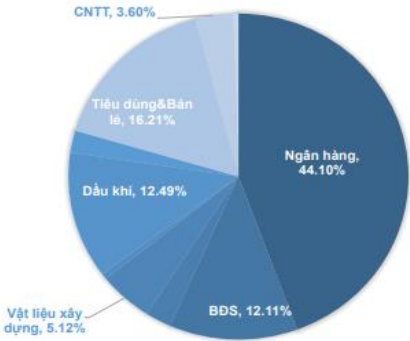
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	93.1	1.2%	0.9	19,156	2.4	7,311	12.7	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	43.9	1.2%	1.0	9,655	1.3	4,208	10.4	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	1.0%	1.2	5,648	5.9	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	30.2	1.0%	1.4	4,618	3.6	14,982	2.0		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.8	1.6%	1.4	3,696	4.8	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	27.7	1.8%	1.3	2,270	12.0	4,640	6.0	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	18.2	5.8%	1.1	3,165	4.7	4,603	4.0	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	28.2	4.3%	1.7	939	14.7	4,880	5.8	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	41.9	1.5%	1.7	601	6.4			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	40.2	6.9%	1.7	784	5.8	1,217	33.0		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.5	1.7%	1.0	5,423	10.3	1,916	11.2	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.5	0.9%	0.9	10,507	3.9	1,896	29.3	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.7	0.0%	1.2	2,737	3.3	5,227	5.3	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	30.0	0.5%	0.4	933	1.8	1,576	19.0	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	32.1	0.9%	1.5	536	1.4	2,557	12.6	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	51.5	2.4%	1.5	850	6.0	14,120	3.6	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	31.4	-0.5%	1.3	533	3.3	6,793	4.6	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.8	0.6%	0.8	547	2.0	2,625	9.0	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	93.8	0.1%	0.7	7,806	1.7	2,292	40.9	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.9	0.7%	1.1	2,094	1.4	1,340	28.3	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	29.9	-1.3%	1.2	621	10.8	993	30.1	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.7	-0.6%	1.5	573	5.7	7,698	3.1	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.6	0.0%	1.2	1,385	3.7	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	67.1	0.0%	1.2	6,097	3.1	2,605	25.8	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	71.6	-0.6%	1.1	4,432	1.5	3,456	20.7	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	38.7	1.3%	1.3	2,462	3.8	7,475	5.2	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	71.4	-0.8%	0.8	1,018	0.9	2,965	24.1	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	58.1	1.0%	1.2	463	1.5	12,800	4.5	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	49.8	0.4%	0.7	653	0.3	7,059	7.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	83.1	0.0%	0.8	3,990	3.2	5,901	14.1	91,900	49.0%	Link

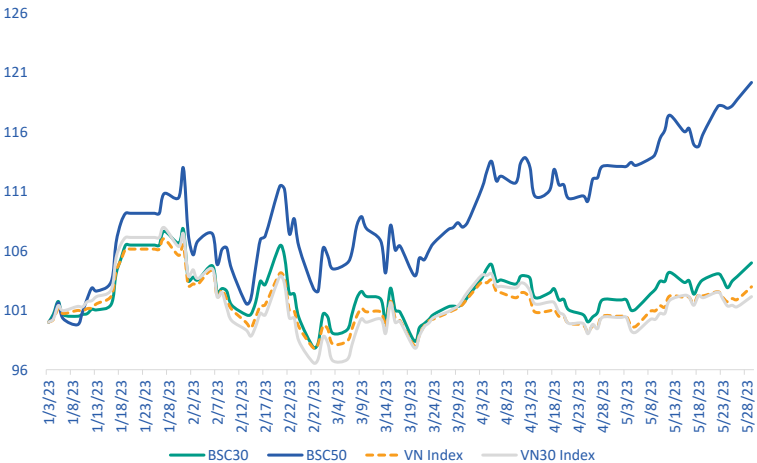
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.12%	1.22%	1.05%	0.84%
1 tuần	0.88%	1.71%	0.41%	-0.37%
1 tháng	4.15%	7.16%	3.40%	2.71%
3 tháng	4.29%	13.15%	3.31%	3.42%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.0	0.7%	1.2	5,850	3.5	3,520	8.0	1.2	27.5%	16.1%
ACB	Ngân hàng	25.2	0.6%	1.1	3,693	18.1	4,304	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.8	1.6%	0.9	2,056	1.9	3,149	6.0	1.2	19.6%	22.6%
LPB	Ngân hàng	14.4	1.8%	1.4	1,083	5.4	2,732	5.3	1.0	4.3%	19.9%
VIB	Ngân hàng	21.3	1.2%	1.3	1,952	3.6	4,163	5.1	1.4	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	17.1	6.9%	2.0	903	32.4	489	34.9	1.4	21.7%	4.8%
TPB	Ngân hàng	24.3	2.7%	1.1	1,671	7.2	4,030	6.0	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	23.4	3.8%	1.7	1,525	17.7	1,120	20.9	1.5		7.9%
CII	Xây dựng	17.6	1.4%	1.9	192	7.0	218	80.7	0.8	10.3%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.6	2.3%	2.1	199	1.5	791	17.2	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	63.7	-0.5%	1.9	205	1.1	184	346.3	0.6	48.5%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.5	0.3%	1.8	193	5.1	966	15.0	0.6	2.2%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.5	0.7%	2.1	111	7.7	781	17.2	1.0	3.3%	5.9%
BCM	KCN	77.8	0.5%	1.0	3,501	0.2	1,170	66.5	4.7	2.8%	8.1%
HUT	KCN	18.2	1.7%	1.5	276	1.9	162	112.5	1.6	1.9%	1.4%
PHR	KCN	46.0	0.0%	1.5	271	1.8	6,039	7.6	1.8	15.4%	24.1%
SZC	KCN	36.0	5.0%	1.9	157	3.0	1,323	27.2	2.3	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.7	2.3%	2.1	408	6.5	(1,754)		0.9	16.5%	-9.6%
HT1	Vật liệu	14.6	1.7%	1.5	242	0.8	386	37.8	1.1	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	15.2	3.1%	2.3	173	4.5	(2,586)		0.8	11.6%	-11.8%
PTB	Vật liệu	44.9	2.5%	1.0	133	0.3	6,017	7.5	1.1	13.7%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.9	1.7%	1.7	89	3.1	1,393	19.3	1.0	3.6%	5.6%
NVL	BDS	13.1	0.8%	1.0	1,106	8.0	362	36.0	0.7	5.8%	1.9%
DXG	BDS	14.6	1.0%	2.2	387	8.4	(240)		1.0	19.8%	-1.6%
HDC	BDS	35.1	0.9%	1.4	165	1.2	3,157	11.1	2.0	1.7%	20.9%
DIG	BDS	20.9	0.5%	2.5	554	14.4	262	79.9	1.9	5.5%	2.1%
IJC	BDS	14.6	2.1%	2.1	160	3.3	1,662	8.8	0.9	5.9%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.2	0.0%	1.5	2,319	4.7	4,750	3.6	1.0	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.2	1.0%	1.3	298	2.7	2,740	7.7	1.1	15.5%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.1	0.3%	1.8	130	0.9	1,355	27.4	2.4	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	21.5	0.5%	1.3	111	0.4	2,246	9.6	1.4	8.8%	14.4%
REE	Tiện ích	61.5	0.0%	0.8	1,093	1.3	6,714	9.2	1.6	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	15.5	3.0%	1.8	572	13.9	10	1547.2	1.1	11.9%	0.1%
NT2	Tiện ích	32.9	-0.2%	0.8	411	0.5	3,245	10.1	2.1	16.0%	20.9%
HDG	Tiện ích	35.0	0.7%	1.5	372	1.7	4,718	7.4	1.5	21.6%	22.6%
PC1	Tiện ích	29.5	1.4%	1.3	347	3.6	1,257	23.5	1.6	8.1%	6.8%
GEG	Tiện ích	16.6	0.0%	1.1	232	1.2	956	17.3	1.7	46.5%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.2	0.8%	2.1	213	3.1	220	41.7	0.7	1.8%	1.5%
SAB	Bán lẻ	155.3	-0.1%	0.2	4,330	0.6	7,649	20.3	4.1	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	42.7	-0.7%	0.5	663	0.4	4,226	10.1	1.7	19.0%	17.5%
FRT	Bán lẻ	63.2	0.3%	1.4	326	1.1	1,863	33.9	3.7	29.7%	11.5%
DGW	Bán lẻ	34.1	3.0%	1.8	248	2.6	3,397	10.0	2.2	22.3%	24.7%
DBC	Bán lẻ	19.1	-1.0%	2.0	201	3.4	(1,339)		1.1	6.0%	-7.2%
PET	Bán lẻ	25.2	3.1%	2.3	108	1.2	1,026	24.6			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.8	0.4%		149	2.1	1,409	16.9	1.8	0.3%	11.8%
ANV	Thủy sản	33.0	3.3%	1.6	191	2.4	4,368	7.5	1.4	6.0%	20.1%
VSC	Logistics	28.0	0.0%	0.4	148	0.2	2,087	13.4	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	39.9	1.8%	1.1	122	1.5	9,072	4.4	1.2	8.0%	34.4%
CTR	Công nghệ	70.3	0.6%	1.3	350	0.7	4,040	17.4	4.6	10.7%	29.3%
TNG	Dệt may	19.6	1.6%	1.7	90	1.7	2,879	6.8	1.3	15.9%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639